TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2019/HS-PT
Ngày: 11-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/TLPT-HS ngày 30/9/2019 đối với các bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Hà Đức T, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không có; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn S, sinh năm 1957 (đã chết) và bà: Lý Thị Th, sinh năm 1958; Vợ là: Lăng Thị H, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 30/11/2018 được hủy bỏ quyết định tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Vũ Đình M, sinh năm 1980; tên gọi khác: Không; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Đ 2, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Đình T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948; Vợ là: Hoàng Thị M1, sinh năm 1985; Bị cáo có hai con: con lớn sinh

năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 30/11/2018 được hủy bỏ quyết định tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Đức T:** bà Nguyễn Thị H và bà Giáp Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên toà).

*** Người tham gia tố tụng khác:** *Vụ án còn có 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Đức T, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Vũ Văn T1, sinh năm 1987 ở thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ họ hàng bên vợ của T. Ngày 17/11/2018, T nhận được tin nhắn trên ứng dụng Zalo của T1 nhắn tin cho T với nội dung nhờ T mua pháo hộ T1 để đốt Tết, khi mua được pháo T1 hứa sẽ cho T ít tiền uống nước, T đồng ý. Hôm sau, T gặp Lăng Thế H, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì T có hỏi H "Mày biết có ai có pháo bán không?" H cho số điện thoại của một người phụ nữ, H bảo T "Mày thử điện hỏi xem bà ấy có pháo không?". Buổi chiều ngày 19/11/2018, T sử dụng số điện thoại 0975.092.190 liên hệ với số điện thoại mà H cho thì gặp một người phụ nữ giới thiệu tên là L, T hỏi bà L "Cô có pháo bán không để cho cháu một ít" bà L bảo, bây giờ nhiều thì không có, cô chỉ còn có 02 bệ, T hỏi giá thì được bà L cho biết giá 250.000/01 bệ, T bảo bà L bán cho 02 bệ, bà L đồng ý và hẹn T tối đến sân bóng thị trấn N, huyện T nhận pháo. Khoảng 20 giờ ngày 19/11/2018, T đi xe mô tô đến sân bóng thị trấn N lấy pháo. Tại đây T đưa cho bà L số tiền 500.000 đồng, bà L cầm tiền và bảo T ra lấy pháo ở dưới sân bóng cách vị trí bà L và T đứng khoảng 05 mét. T ra cầm túi nilon màu đen bên trong chứa 02 bệ pháo để ở giá xe mô tô phía trước. Sau khi lấy pháo xong, T hỏi bà L "Cháu lấy 01 thùng bao giờ cô có" (nghĩa là T hỏi mua 18 bệ pháo) bà L nói 1 đến 2 hôm nữa mới có, sau đó T ra về và bỏ 02 bệ pháo ra đốt hết.

Buổi trưa ngày 21/11/2018, T có gọi điện thoại cho bà L hỏi bà L có pháo chưa, bà L trả lời tối mới có và hẹn tối T xuống lấy pháo, T đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, T gọi điện thoại cho anh Đồng Văn N, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã T, huyện Y làm nghề lái xe taxi nhờ anh N chở đi có việc, khi gặp anh N thì T bảo anh N chở pháo cho T từ thị trấn N về xã L, huyện T nhưng anh N đã từ chối không chở và đi về. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, màu sơn xanh, đen, bạc không biển kiểm soát của T đến cổng thôn Đ 2, xã N, huyện T uống nước. T gọi điện thoại cho Vũ Đình M, sinh năm 1980 ở thôn Đ 2, xã N, huyện T ra ngồi uống nước cùng, M đồng ý, sau đó M đi bộ ra cổng thôn Đ2, xã N gặp T, cả hai cùng ngồi uống nước. Tại đây, T rủ M đi lấy pháo ở thị trấn N mang xuống xã L bán cho T1, M đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở M đi đến khu vực

cổng chợ thị trấn N thì T đỗ xe mô tô lại rồi bảo M xuống xe đứng chờ, còn T đi xe mô tô một mình ra sân bóng thị trấn N gặp bà L. Lúc này khoảng 20 giờ 45 phút, khi gặp bà L, T đưa cho bà L số tiền 4.500.000 đồng, bà L cầm tiền và chỉ cho T số pháo ở phía trước mặt cách vị trí bà L và T đứng khoảng 5 mét, T đi đến chỗ bà L để pháo bê 01 túi ni lon màu đen bên trong đựng 09 bệ pháo đặt ở giá xe phía trước, sau đó T bê 01 bao tải dứa màu xanh bên trong đựng 09 bệ pháo để trên yên xe phía sau, tay trái T giữ bao pháo phía sau, tay phải điều khiển xe mô tô đi ra chỗ M đứng đợi. Khi đến chỗ M, T bảo M ngồi lên xe mô tô giữ bao tải pháo, T điều khiển xe mô tô chở M và số pháo mua được đến địa bàn xã L, huyện T để bán cho T1. Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, T và M chở pháo đi đến khu vực C thuộc thôn C, xã L, huyện T thì đỗ xe mô tô lại, T và M để toàn bộ số pháo mua được xuống đất, T gọi điện thoại cho T1 bảo T1 ra khu vực C, xã L lấy pháo, T1 nghe điện thoại bảo T chờ T1 một lúc. Khoảng 05 phút sau, T1 đi cùng một người đàn ông, T và M đều không biết tên, tuổi địa chỉ đến. Người đàn ông đi cùng T1 rút tiền ra đếm, đúng lúc đó lực lượng Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang đến tiến hành kiểm tra và phát hiện T và M có hành vi buôn bán pháo nổ. Quá trình kiểm tra, lợi dụng sơ hở M, T1 và người đàn ông đi cùng T1 bỏ chạy, còn T bỏ chạy bị ngã xuống ao gần đó, lực lượng Công an yêu cầu T lên bờ và đưa T cùng chiếc xe mô tô, 01 túi nilon màu đen và 01 bao tải dứa màu xanh về trụ sở Công an xã L, huyện T lập biên bản. Tại đây, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang yêu cầu T mở chiếc túi nilon màu đen và chiếc bao tải dứa màu xanh ra, phát hiện bên trong có chứa pháo nổ nên Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành lập biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng bao gồm:

- 01 túi ni lon màu đen bên trong có 09 khối hình hộp, bên trong mỗi khối hình hộp gồm 36 vật hình trụ liên kết với nhau), bên ngoài có vỏ màu đỏ, vàng, in chữ nước ngoài.

- 01 bao tải dứa màu xanh bên trong có 09 khối hình hộp (bên trong mỗi khối hình hộp gồm 36 vật hình trụ liên kết với nhau), bên ngoài có vỏ màu đỏ, vàng, in chữ nước ngoài. Toàn bộ 18 khối hình hộp bên ngoài có vỏ màu đỏ, vàng, in chữ nước ngoài; 01 túi nilon màu đen, 01 bao tải dứa màu xanh được niêm phong trong thùng bìa cát tông bên ngoài có ghi chữ Queen và oasis.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE anpha, màu xanh, đen, bạc đã qua sử dụng, không gắn biển kiểm soát.

Ngày 22/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hà Đức T và Vũ Đình M, đồng thời tạm giữ của T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đã qua sử dụng, số EMEI1: 357321080764805, số EMEI2: 357321080764813, bên trong điện thoại có 01 sim điện thoại Vinaphone có số in trên sim là 898402000010803637909 và 01 sim Viettel có số in trên sim 8984048008811009061, tạm giữ của M 01 điện thoại di động có vỏ ngoài bằng kim loại màu vàng, mặt trước có dòng chữ VERTU có số Model: M6i, số EMEI: 350600110167999, kèm theo 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8984048000019314422.

Cùng ngày, 22/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, đồ vật, tài liệu của Hà Đức T và Vũ Đình M nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 23/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hà Đức T và Vũ Đình M.

Tại Cơ quan điều tra Hà Đức T và Vũ Đình M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 23/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định toàn bộ 18 khối hình hộp, bên ngoài có vỏ màu đỏ, vàng, in chữ nước ngoài, được niêm phong trong thùng cát tông có phải là pháo nổ hoặc pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ không)? Có khối lượng bao nhiêu?

Tại Kết luận giám định số 6600/C09- P2 ngày 23/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"Mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị đốt có gây tiếng nổ) có tổng khối lượng là 24,4kg (hai mươi bốn phẩy bốn kilôgam)".

Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 30/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố các bị cáo Hà Đức T và Vũ Đình M về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 190- Bộ luật hình sự.

* Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Đức T và bị cáo Vũ Đình M.

- Xử phạt: bị cáo Hà Đức T 30 (ba mươi) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/11/2018 – 30/11/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 29 (hai mươi chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hà Đức T.

- Xử phạt: bị cáo Vũ Đình M 18 (mười tám) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/11/2018 – 30/11/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bẩy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 03/9/2019 bị cáoVũ Đình M nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: bản án xử phạt bị cáo mức án 18 tháng tù là nặng. Đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; ngày 04/9/2019 bị cáo Hà Đức T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: bản án xử phạt bị cáo mức án 30 tháng tù là quá cao. Đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo không rút đơn kháng cáo.

- Bị cáo T trình bày: Về tội danh bị cáo không thắc mắc gì, bị cáo bị xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Về hình phạt 30 tháng tù là nặng, bị cáo xin

bổ sung kháng cáo là xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Lý do: bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn có hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu. Bị cáo chỉ mua hộ bạn bè và được bạn hứa cho tiền đi uống nước nên giúp đỡ chứ không có mục đích buôn bán kiếm lợi nhuận. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn về kinh tế, xã hội. Bị cáo là trụ cột gia đình, còn có trách nhiệm với mẹ già, 2 con nhỏ Đề nghị HĐXX xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

- Bị cáo M trình bày: Về tội danh bị cáo không thắc mắc gì, bị cáo bị xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Về hình phạt thì bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, lý do: Bị cáo nhận thức pháp luật còn có hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức. Bị cáo là trụ cột gia đình, còn có trách nhiệm với bố mẹ già, con nhỏ. Bố bị cáo bị tàn tật phải có người trợ giúp trong cuộc sống. Bị cáo có bố vợ là Hoàng Văn B tham gia quan đội được tặng thưởng huân chương chiến công hạng 3. Đề nghị HĐXX xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

* Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356- Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo T đề nghị trợ giúp pháp lý phát biểu bào chữa cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Về tội danh nhất trí quan điểm Viện kiểm sát nêu. Về hình phạt đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo vì: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có mục đích lợi nhuận mà chỉ giúp đỡ bạn bè. Bị cáo phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Bị cáo T tranh luận: Nhất trí quan điểm của người bào chữa, không tranh luận gì.

- Bị cáo M tranh luận: Bị cáo giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không tranh luận gì.

*Bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo T: Mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện cải tạo tốt và giúp đỡ gia đình.

- Bị cáo M: Mong HĐXX xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo tốt và giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333- Bộ luật Tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh xét xử đối với các bị cáo, HĐXX thấy: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 21/11/2018, Hà Đức T, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang mua 18 bệ pháo, loại 36 quả có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị đốt có gây tiếng nổ) có tổng khối lượng là 24,4kg (hai mươi bốn phẩy bốn kilôgam) của một người phụ nữ không quen biết giới thiệu tên là L với giá 4.500.000 đồng ở tại sân bóng thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô cùng với Vũ Đình M, sinh năm 1980 ở thôn Đ2, xã N, huyện T vận chuyển toàn bộ 18 bệ pháo mua được đến khu vực cầu C, thuộc địa phận thôn C, xã L, huyện T để bán thì bị lực lượng cảnh sát điều tra phòng chống tội phạm về kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ toàn bộ 18 bệ pháo nêu trên.

Khi thực hiện hành vi buôn bán pháo nổ, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết nhà nước cấm buôn bán pháo nổ nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi buôn bán nên hành vi của các bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 190-Bộ luật hình sự.

Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 190- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M, HĐXX thấy:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào là có căn cứ.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51-BLHS là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4.3]. Về hình phạt đối với các bị cáo: Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của các bị cáo, tính chất vai trò, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo đã xử phạt bị cáo Hà Đức T 30 tháng tù, Vũ Đình M 18 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

[4.4]. Về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, HĐXX thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Đình M cung cấp huân chương chiến công của ông Hoàng Văn B (bố vợ của bị cáo); bản chứng nhận thương tật của ông Vũ Đình T

(bố đẻ bị cáo); các bị cáo đều trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét là tình tiết giảm nhẹ, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận vì không thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 51- Bộ luật hình sự cũng không có căn cứ chấp nhận. Điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình có khó khăn, là lao động chính chỉ có thể là cơ sở để xem xét việc đi chấp hành án. Như vậy các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4.5]. Về nội dung xin hưởng án treo của các bị cáo, HĐXX thấy: Theo hướng dẫn tại khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4.6]. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M và quan điểm trình bày của người bào chữa cho bị cáo Hà Đức T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136- Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tuy nhiên bị cáo Hà Đức T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Hà Đức T.

- Bị cáo Vũ Đình M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Đức T, Vũ Đình M phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

3. Về hình phạt: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 190; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58- Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Đức T và bị cáo Vũ Đình M.

- Xử phạt: bị cáo Hà Đức T 30 (ba mươi) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/11/2018 đến ngày 30/11/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 29 (hai mươi chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: bị cáo Vũ Đình M 18 (mười tám) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/11/2018 đến ngày 30/11/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bẩy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a, khoản 2, Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Hà Đức T.

- Bị cáo Vũ Đình M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng